

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Quỳnh;
2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2020 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không tu chí gia đình, chơi bời, sống không có tình cảm với vợ con, nhiều lần đánh chị và con, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và gia đình đã khuyên can nhưng anh T không thay đổi cách sống. Năm 2018 chị T đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và sống ly thân với anh T từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Hiện anh T đưa một người phụ nữ khác về nhà chung sống với nhau như vợ chồng. Chị T xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn T. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Đỗ Mai P, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 và Đỗ Quang M, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn T có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc dạy dỗ con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Chị T đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng ở khoảng 03 năm, anh không tìm chị T, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý. Về con chung: Anh nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi các con như chị T trình bày. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con Đỗ Quang M, anh nhường chị T nuôi con Đỗ Mai P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn T; về con chung: Giao 02 con Đỗ Mai P, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 và Đỗ Quang M, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đỗ Văn T. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết,

đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án phải nộp án phí dân sự buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Đỗ Văn T. Anh T có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, anh T không tu chí gia đình, nhiều lần vợ chồng cãi vã, xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng từ tháng 10 năm 2018 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm, liên lạc đến nhau. Hiện anh T đưa một người phụ nữ khác về nhà anh chung sống với nhau như vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh T, anh không có mặt tại phiên tòa nhưng anh có lời khai đồng ý ly hôn chị T nên Hội đồng xét xử, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Đỗ Mai P, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 và Đỗ Quang M, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2012. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T nhận nuôi con Đỗ Quang M nhường chị T nuôi con Đỗ Mai P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào tài liệu xác minh và điều kiện thực tế hiện nay của chị T có công việc, có thu nhập và có nơi ở ổn định cùng với bố mẹ chị và được sự hỗ trợ của gia đình, hai con chung đều có đơn đề nghị được ở với chị T. Anh T

hiện là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị T được nuôi 02 con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Mai P, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 và Đỗ Quang M, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi các con đối với anh Đỗ Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011663 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Quốc Tuấn;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn